

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2024
V/v hủy việc kết hôn trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

2. Bà Hoàng Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thèn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xã Ch, huyện H, tỉnh H. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Chị Tráng Thị Ch, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xã Ch, huyện H, tỉnh H (*Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần 2*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện H, tỉnh H – Người đại diện theo pháp luật: Bà Tãi Thị R – Chức vụ: Chủ tịch (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/5/2022 và quá trình tố tụng Anh Thèn Văn T trình bày:

Anh và chị Tráng Thị Ch đăng ký kết hôn ngày 16/01/2012 tại UBND xã Ch, huyện H, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại xã Ch, huyện H, tỉnh H được 01 năm đầu. Đến ngày 15/12/2013 chị Ch tự ý bỏ nhà đi biệt tích không rõ lý do, đến nay

không có tin tức gì. Anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì áp dụng các biện pháp tìm kiếm theo quy định của pháp luật nhưng đều không có kết quả. Tại quyết định số 02/2022/QĐST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố chị Tráng Thị Ch mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị Tráng Thị Ch mất tích đến nay anh T cũng không thấy chị Tráng Thị Ch trở về, anh thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không tồn tại nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tráng Thị Ch để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên trước khi kết hôn với anh T chị Ch đã kết hôn với anh Vàng Văn N ở xã T và hiện nay chưa ly hôn; do đó anh T đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị Ch không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tráng Thị Ch đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho chị Tráng Thị Ch và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Thèn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Ch - người đại diện theo pháp luật: Bà Tài Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt; chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin vắng mặt của Anh Thèn Văn T, do điều kiện công việc không thể tham gia phiên tòa và yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Tráng Thị Ch đã có quyết định tuyên bố mất tích tại quyết định số 02/2022/QĐST–DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án vẫn tiến hành thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Ch theo quy định nhưng chị Ch vẫn vắng mặt không có lý do trong xuất quá trình giải quyết vụ án, vì vậy không có ý kiến và đề nghị gì.

- Kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện H, tỉnh H thì chị Tráng Thị Ch và anh Vàng Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 10/4/2009 theo sổ đăng ký kết hôn số 01/2026, số thứ tự 18 của UBND xã T. Hiện nay chưa có thông tin chị Tráng Thị Ch và anh Vàng Văn N đã ly hôn.

- Kết quả xác minh tại UBND xã Ch, huyện H, tỉnh H thì chị Tráng Thị Ch và Anh Thèn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch ngày 16/01/2012 theo sổ đăng ký kết hôn số 02 giai đoạn 2011-2013, số thứ tự số 06/2012 của UBND xã Ch. Xã chỉ cung cấp được nội dung lưu trong sổ phụ lưu tại xã, các thủ tục giấy tờ liên quan đến việc đăng ký kết hôn cho Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch không có lưu theo sổ; Chủ tịch UBND xã và cán bộ tư pháp đã chuyển công tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UB Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Anh Thèn Văn T, tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/01/2012 do UBND xã Ch, huyện H cấp.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Anh Thèn Văn T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” với bị đơn chị Tráng Thị Ch, chị Ch có nơi cư trú cuối cùng tại xã Ch, huyện H, tỉnh H, theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Tráng Thị Ch vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Văn N kết hôn với chị Tráng Thị Ch tại UBND xã T, huyện H; Anh Thèn Văn T kết hôn với chị Tráng Thị Ch tại UBND xã Ch, huyện H. Kết quả xác minh tại UBND xã T và UBND xã Ch thấy rằng; việc xã T đăng ký kết hôn cho anh Vàng Văn N với chị Tráng Thị Ch và xã Ch đăng ký kết hôn cho anh Thèn Văn T với chị Tráng Thị Ch đều được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và có ghi vào sổ quản lý tại xã nhưng cả hai xã đều không lưu giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan để chứng minh việc đăng ký kết hôn của xã là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả xác minh, giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Vàng Văn N với chị Tráng Thị Ch và giữa Anh Thèn Văn T với chị Tráng Thị Ch do các đương sự cung cấp và

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy rằng trước khi kết hôn với Anh Thèn Văn T vào ngày 16/01/2012 tại UBND xã Ch thì chị Tráng Thị Ch đã đăng ký kết hôn với anh Vàng Văn N vào ngày 10/4/2009 tại UBND xã T và hiện nay hôn nhân giữa anh Vàng Văn N và chị Tráng Thị Ch vẫn đang tồn tại hôn nhân hợp pháp nên HĐXX xét thấy hôn nhân giữa Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch là trái pháp luật. Vì vậy anh Thèn Văn T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với chị Tráng Thị Ch là có căn cứ và được chấp nhận; do đó HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 10 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch là có cơ sở, đúng quy định.

[4] Về con chung: Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Thèn Văn T có đơn xin miễn án phí vì thuộc đối tượng là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Anh Thèn Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 10, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UB Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Thèn Văn T. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/01/2012 do UBND xã Ch, huyện H cấp. Anh Thèn Văn T và chị Tráng Thị Ch phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. *Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Anh Thèn Văn T.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện HSP;
- UBND xã Chiến Phố, xã Tự Nhân;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương